

Bản án số: 11/2021/HS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐV, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan và bà Hoàng Thị Minh Tâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn X B - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần T D.**

Sinh ngày 27/02/1986; tại huyện T, tỉnh DH.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện TK, tỉnh DH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trần V D (đã chết) và bà Trần T Th.

Chồng là Phạm V Ph - sinh năm 1982; có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đình V Nh.**

Sinh ngày 25/3/1960; tại huyện N, thành phố PH.

Nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện NT, thành phố PH.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đình V V (đã chết) và bà Đình T N (đã chết).

Vợ là Đình Th T - sinh năm 1959; có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** + Bà Vũ T V, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện TK, tỉnh DH. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm V Ph, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện TK, tỉnh DH. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Chị Lê H Tr, chị Lâm T Ng - đều vắng mặt không lý do.

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Đ M - vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 14 phút ngày 17/4/2020, tại Cảng hàng không Quốc tế ĐV, thuộc xã K, huyện ĐV, tổ công tác hải quan sân bay ĐV, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng PC - Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh trong quá trình soi chiếu hành lý của những người làm xong thủ tục xuất cảnh sang Hàn quốc đã phát hiện, bắt quả tang Đinh V Nh có hành vi vận chuyển trái phép ngoại tệ. Vật chứng thu giữ gồm 20.085.000 won, 01 điện thoại di động LG X4 đã qua sử dụng, số thuê bao 0961935598, 01 hộ chiếu số B6221384 và 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Đinh V Nh.

Tại Kết luận giám định số 2887/C09-P5 ngày 29/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 400 tờ tiền mệnh giá 50.000 won, 07 tờ tiền mệnh giá 10.000 won, 01 tờ mệnh giá 5.000 won, 10 tờ tiền mệnh giá 1.000 won là tiền Hàn Quốc thật.

Tại Kết luận giám định số 11/KLĐG ngày 29/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện ĐV kết luận: Giá trị 20.085.000 won tại thời điểm 13 giờ 14 phút ngày 17/4/2020 sau khi trừ đi tương đương 5.000 USD sang tiền Việt Nam đồng là 251.608.900 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đinh V Nh khai nhận: Vào ngày 16/4/2020 con gái bị cáo là Tr mua được vé máy bay và gửi hình ảnh vào điện thoại của bị cáo và dặn bị cáo ngày 17/4/2020 phải đi xe taxi đến sân bay ĐV, tại sân bay thì có người tên D giúp đỡ đóng, gửi, chỉ đường đi. Sáng ngày 17/4/2020 bị cáo đi xe taxi đến sân bay ĐV chờ theo thùng rau ngò gai. Đến sân bay bị cáo cầm hành lý lên vỉa hè sảnh sân bay, một lúc sau có một người phụ nữ đến hỏi và giới thiệu là D giúp bị cáo đóng một thùng cát tông hàng hóa và đưa bị cáo vào khu vực cân đo, làm thủ tục ký gửi hàng hóa, làm thủ tục check-in, sau đó bị cáo và D đi ra ngoài sảnh. Một lúc sau bị cáo đeo túi xách lên người, thì D đưa cho bị cáo 04 cuộn màu đen, D cầm 04 cuộn màu đen đút vào túi xách của bị cáo một cách giấu diếm, đưa tiền vào túi nhanh chóng và nói “Tiền đây, cẩn thận chú ạ”, thì bị cáo kéo khóa túi, nhét thêm đồ vào túi để không cho ai quan sát thấy tiền trong túi. D đưa tiền cho bị cáo và không dặn bảo bị cáo phải khai báo Hải quan, bị cáo không kiểm tra bên trong mà hỏi tiền này đưa cho ai thì D trả lời sang bên ấy có người nhận. Sau đó D dẫn bị cáo đi vào bên trong đến khu vực làm thủ tục xuất cảnh và không khai báo số tiền vận chuyển. Khi đã làm xong thủ tục xuất cảnh, bị cáo vào khu vực làm thủ tục lên máy bay, đến bàn kiểm tra hành lý soi chiếu, cơ quan Hải quan phát hiện 04 gói tiền mà D đưa cho bị cáo. Cơ quan Hải quan bảo bị cáo bóc gói tiền ra để kiểm tra thì phát hiện bên trong mỗi gói có 100 tờ mệnh giá 50.000 won và thu giữ 04 gói tiền trên.

Bị cáo Nh còn khai nhận đã xuất cảnh hai lần, bị cáo giúp D mang tiền sang Hàn Quốc vì Trang là con gái bị cáo nói khi bị cáo sang Hàn Quốc thì có em của D

ra đón, mua vé xe bus cho bị cáo về nhà Tr, nên bị cáo vận chuyển tiền cẩn thận, lo sợ mất tiền thì người nhà D không mua vé xe bus cho bị cáo. Bị cáo còn bị thu giữ 01 điện thoại di động LG X4 số thuê bao 0961935598, 01 hộ chiếu số B6221384, 01 giấy chứng minh nhân dân và số tiền 85.000 won là tiền bị cáo đem theo để dùng vào chi tiêu cá nhân.

Bị cáo Trần T D khai nhận: Do trước đây bị cáo có gặp Tr là con gái chú Đình V Nh tại Cảng hàng không BC - PH. Sau đó bị cáo và Tr kết bạn qua mạng xã hội Facebook. Tình cờ Tr có nói chuyện bố Tr sẽ sang Hàn Quốc vào ngày 17/4/2020, bị cáo đã đến sân bay Quốc tế Vân Đồn để nhờ chú Đình V Nh chuyển số tiền 20.000.000 won sang nước Hàn Quốc. Do chưa gặp bố Tr lần nào nên Tr đã tả đặc điểm bố của Tr và dặn bố Tr đứng ở cửa sảnh Sân bay để bị cáo gặp gửi số tiền trên cho em bị cáo là Phạm T V và Phạm T T ở Hàn Quốc. Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 17/4/2020 bị cáo đi xe ô tô đến sân bay, bị cáo gặp Nh đang đứng ở cửa sân bay tại sảnh cửa. Sau khi nhận ra nhau, bị cáo giúp chú Nh đóng thùng hàng là thùng đồ cá nhân và thùng hàng là rau ngò gai, sau đó bị cáo và chú Nh đi cân hành lý, làm thủ tục ký gửi. Khi chú Nh chuẩn bị vào phòng chờ, bị cáo lấy tiền để gửi cho chú Nh. Bị cáo lấy tiền từ trong túi, cầm tiền đưa vào túi của chú Nh đang đeo trên người và dặn chú Nh đây là 20.000.000 tiền Hàn, chú cầm sang Hàn Quốc đưa cho Tr, chú cầm số tiền trên cẩn thận thì chú Nh đồng ý. Số tiền trên bị cáo chia làm bốn gói, mỗi gói có 100 tờ mệnh giá 50.000 won, cuộn tròn hình trụ, bên ngoài bọc túi nilon màu đen, mục đích bị cáo bọc cuộn túi bóng đen trên là để cho người khác nhìn vào không biết là tiền để nảy sinh trộm cắp và số tiền trên sẽ được vận chuyển nguyên vẹn sang Hàn Quốc. Nguồn gốc số tiền trên là của gia đình bị cáo làm ăn tích góp được. Sau khi chú Nh vào làm thủ tục xuất cảnh lên máy bay, bị cáo đứng đợi ở ngoài để đợi máy bay cất cánh để cảm thấy an toàn. Đợi một lúc thì thấy chú Nh và một vài người khác bị lực lượng Hải quan đưa ra bên ngoài khu vực sân bay. Từ năm 2017 đến năm 2020 trung bình một tháng bị cáo xuất cảnh một lần, khi chuyển tiền cho chú Nh bị cáo không có giấy phép vận chuyển số tiền trên qua biên giới, không khai báo Hải quan, cũng không dặn chú Nh phải khai báo Hải quan.

Các bị cáo còn khai nhận đây là lần đầu chuyển tiền sang Hàn Quốc và thừa nhận do hiểu biết, nhận thức pháp luật kém, không để ý quy định của pháp luật về số tiền được phép mang qua biên giới, không để ý các quy định về khai báo Hải quan, nên đã vi phạm pháp luật và thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng, không oan sai. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát cho các bị cáo được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm V Ph khai nhận anh là chồng bị cáo D, ngày 17/4/2020 D gửi số tiền 20.000.000 won là tiền của gia đình làm ăn, tích góp có được qua ai anh không biết. Số tiền trên chị D quyết định, định đoạt, anh không quản lý, nên anh không có đề nghị gì về số tiền trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ T V khai nhận bà là mẹ chồng D, ngày 16/4/2020 bà đưa cho Duyên số tiền 20.000.000 won là tiền của gia đình làm ăn, tích góp mà có, để D chuyển số tiền trên cho hai con đang định cư bên Hàn Quốc. Việc D chuyển tiền, cách chuyển như thế nào bà không được biết. Đến nay bà không đề nghị gì về số tiền trên.

Người làm chứng chị Lê H Tr khai nhận: Ngày 17/4/2020 tôi đến Cảng hàng không quốc tế ĐV làm thủ tục xuất cảnh lên máy bay đi Hàn Quốc. Tại sân bay tôi giúp chị Lâm T Ng mang số tiền 29.700.000 won xuất cảnh sang Hàn Quốc thì bị

lực lượng Hải quan phát hiện bắt quả tang. Ngoài tôi bị bắt, còn có chú Đình V Nh cũng bị bắt quả tang về vận chuyển hộ chi D số tiền 20.000.000 won, gồm 04 cuộn tiền bọc túi nilon màu đen, gồm 400 tờ mệnh giá 50.000 won.

Người làm chứng chị Lâm T Ng khai nhận: Vào ngày 17/4/2020 tôi đi xe ô tô đón D từ nhà D ở huyện T, tỉnh DH xuống cảng hàng không Quốc tế ĐV. Trên đường đi Duyên không nói cho tôi biết xuống ĐV gửi hàng gì, cho ai. Khi đến sân bay thì tôi gặp Tr, còn D gặp chú Nh là người giúp D chuyển đồ sang Hàn Quốc và D có giúp chú Nh đóng các thùng hàng, gói hàng.

Người chứng kiến anh Nguyễn Đ M khai nhận anh làm việc tại bộ phận soi chiếu, kiểm tra hành lý vào khoảng từ 13 giờ đến 14 giờ ngày 17/4/2020 khi anh đang làm việc tại khu vực soi chiếu hành lý thì được cơ quan Hải quan mời chứng kiến việc cơ quan Hải quan kiểm tra hành lý của ông Đình V Nh, quá trình kiểm tra phát hiện bên trong túi xách của ông Nh có 04 gói nilon màu đen trong chứa tiền, nghi là tiền Hàn Quốc, cơ quan Hải quan kiểm đếm số tiền trên, kết quả trong 04 gói trên có 400 tờ tiền mệnh giá mỗi tờ là 50.000 won, tổng số tiền là 20.000.000 won. Toàn bộ số tiền trên ông Nh cầm qua khu vực xuất cảnh đến máy soi chiếu đều không khai báo Hải quan.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSVD ngày 21/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐV, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo Trần T D, Đình V Nh về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”, quy định khoản 1 Điều 189 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Trần T D từ 15 (Mười lăm) đến 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt: Đình V Nh từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng về tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Áp dụng khoản 4 Điều 189 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Trần T D từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; bị cáo Đình V Nh từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu, nên không đề nghị xử lý.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền Hàn Quốc 20.000.000 won sau khi đã trừ đi số tiền tương đương 5.000 USD.

- Trả lại bị cáo Trần T D số tiền Hàn Quốc tương đương 5.000 USD.

- Trả lại bị cáo Đình V Nh số tiền Hàn Quốc 85.000 won; 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 hộ chiếu số B6221384 (mang tên Đình V Nh) và 01 điện thoại di động LG X4 vàng hồng, điện thoại cảm ứng, đã qua sử dụng, gắn 01 sim Viettel số IMEI: 352336092314798.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và các bị cáo thừa nhận do hiểu biết, nhận thức pháp luật kém, không tìm hiểu các quy định của pháp luật về chính sách quản lý ngoại tệ của Nhà nước khi vận chuyển tiền tệ qua biên giới, nên đã vi phạm pháp luật; lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận giám định, biên bản định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 14 phút ngày 17/4/2020, tại Cảng hàng không Quốc tế ĐV thuộc xã K, huyện ĐV, bị cáo Trần T D có hành vi chuẩn bị, bao gói, cất giấu 20.000.000 won tiền Hàn Quốc, bằng 366.800.000 đồng để bị cáo Đinh V Nh vận chuyển qua biên giới mà không khai báo với cơ quan Hải quan cửa khẩu. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Thông tư số 15/2011/TT-NHNN ngày 12/8/2011 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định việc mang ngoại tệ, tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt của cá nhân khi xuất cảnh, nhập cảnh thì cá nhân khi xuất cảnh qua các cửa khẩu quốc tế Việt Nam bằng hộ chiếu mang theo ngoại tệ tiền mặt trên 5000 USD hoặc các ngoại tệ khác có giá trị tương đương thì phải khai báo với cơ quan Hải quan cửa khẩu.

Như vậy, hành vi chuẩn bị, bao gói, cất giấu 13.634.133 won tiền Hàn Quốc, bằng 250.050.000 đồng (đã trừ đi 6.365.867 won tương đương 5.000 USD) của bị cáo Trần T D để bị cáo Đinh V Nh vận chuyển trái phép qua biên giới đã phạm vào tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”, được quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào vận chuyển qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm...”

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý ngoại thương của Nhà nước CHXHCN Việt Nam, xâm hại đến nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức và của công dân qua việc vi phạm quy định của Nhà nước trong quản lý kinh tế. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được việc mình làm là trái với

luật pháp quy định, thế nhưng vẫn bất chấp pháp luật thực hiện hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới. Do vậy, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để giáo dục, cải tạo các bị cáo, góp phần phòng chống tội phạm và thể hiện tính nghiêm minh của luật pháp Nhà nước ta.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Đinh V Nh có thời gian tham gia quân đội được thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thấy: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo D là người khởi xướng, trực tiếp chuẩn bị tiền chia ra làm nhiều cuộn tiền và bao bọc túi nylon màu đen vào các cuộn tiền rồi cất giấu vào túi xách để bị cáo Nh vận chuyển qua biên giới, nên D có vai trò cao hơn bị cáo Nh; bị cáo Nh trực tiếp vận chuyển tiền qua biên giới nên là đồng phạm với vai trò người thực hành.

[6] Sau khi xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xét về nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt thể hiện chưa có tiền án, tiền sự và phạm tội cơ bản do chủ quan, không tìm hiểu các quy định của pháp luật về chính sách quản lý ngoại tệ của Nhà nước. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời điểm kinh tế xã hội gặp nhiều khó khăn do đại dịch Covid 19, nhưng vẫn xin được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền và cam đoan chấp hành ngay quyết định của bản án, bị cáo Duyên vừa trải qua thời gian dài thực hiện giãn cách xã hội tại vùng tâm dịch Covid 19 nhưng cam kết dùng số tiền được trả lại để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo. Do vậy, để giúp các bị cáo có điều kiện tiếp tục lao động, tạo thu nhập để bù đắp phần nào kinh tế cho gia đình và xét hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo và mức phạt tiền trên mức khởi điểm của điều luật cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[7] Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Trần T D, Đinh V Nh theo quy định tại khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung và biện pháp ngăn chặn: Do áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ T V, anh Phạm V Ph không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: - 01 điện thoại di động LGX4 vàng hồng, điện thoại cảm ứng, đã qua sử dụng, gắn 01 sim Viettel số IMEI: 352336092314798, bị cáo Nh không dùng vào việc phạm tội; 01 giấy chứng minh nhân dân của Đinh V Nh có số 030876080, cấp ngày 18/11/2011, Nơi cấp: Công an thành phố PH; 01 hộ chiếu có số B6221384 của Đinh Văn Nhẹ, ngày cấp 27/02/2012, Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh là giấy tờ tùy thân, nên trả lại cho bị cáo Đinh V Nh.

- Số tiền Hàn Quốc 20.085.000 won thu giữ của bị cáo Nh, trong đó tiền Hàn Quốc 13.634.133 won liên quan trực tiếp đến việc phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước, số tiền Hàn Quốc 6.365.867 won (tương đương 5.000 USD) là tài sản của bị cáo D không phải khai báo theo quy định, nên trả lại cho bị cáo D; số tiền Hàn Quốc 85.000 won là tài sản riêng của bị cáo Nh không phải khai báo, nên trả lại cho bị cáo Nh.

- 01 hộp niêm phong, trên phong bì có các chữ ký và dấu của Cơ quan điều tra không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu và tiêu hủy.

[11] Đối với Đinh T H Tr có hành vi bảo Đinh V Nh vận chuyển tiền qua biên giới cho D, đang sinh sống tại Hàn Quốc, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý sau. Phạm T V, Phạm T T theo lời khai của D là người được nhận số tiền của D vận chuyển nhưng đang sinh sống tại Hàn Quốc, không đủ điều kiện để làm rõ việc có liên quan đến hành vi vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới cùng với Duyên, nên không đề cập xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần T D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đinh V Nh là người cao tuổi được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần T D, Đinh V Nh phạm tội “Vận chuyển trái phép tiền tệ qua biên giới”.

Căn cứ khoản 1 Điều 189; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Trần T D 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 189; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đinh V Nh 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền Hàn Quốc 13.634.133 won (Mười ba triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn một trăm ba mươi ba won).

Trả lại bị cáo Trần T D số tiền Hàn Quốc 6.365.867 won (Sáu triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn tám trăm sáu mươi bảy won).

Trả lại bị cáo Đinh V Nh số tiền Hàn Quốc 85.000 won (Tám mươi lăm nghìn won); 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 hộ chiếu số B6221384 (mang tên Đinh V

Nh) và 01 điện thoại di động LG X4 vàng hồng, điện thoại cảm ứng, đã qua sử dụng, gắn 01 sim Viettel số IMEI: 352336092314798.

Tịch thu, tiêu hủy 01 hộp niêm phong, trên phong bì có các chữ ký và dấu của Cơ quan điều tra.

(Tình trạng vật chứng, tài sản theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 13/BB-CCTHADS ngày 08/3/2021 giữa Công an huyện ĐV và Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐV).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần T D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Đinh V Nh được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm V Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/4/2021; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ T V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có ql, nv liên quan;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện ĐV;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CQCSĐT, CQTHAHS CA huyện ĐV;
- CCTHADS huyện ĐV, THAHS;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Lưu Minh Đoàn

